

Bản án số: 82/2017/HN-ST

Ngày: 20-12-2017

V/v: “*Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phương Tích

2. Bà Trịnh Thị Hồng Thẩm

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 về việc: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST-HN ngày 13/11/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2017/QĐST - HN ngày 27 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị C, sinh năm 1994; trú tại thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; trú tại 199 ấp X, xã T, huyện B, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đào Thị C trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ vào năm 2016. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống tại xã Đ đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 01/2017, hai bên về sinh sống tại xã T, huyện B, tỉnh B. Đến tháng 6/2017, hai bên tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm vợ con. Mặc dù chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Ngoài mâu thuẫn giữa vợ chồng, anh T cũng có mối quan hệ không tốt với gia đình chị do khi nhậu say đã có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị. Nay nhận

thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung Lê Đào Gia N sinh ngày 14/7/2015 hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Theo bản tự khai ngày 01/11/2017 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Anh đồng ý với trình bày của chị C về thời điểm kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa vợ và chồng, giữa anh và gia đình bên vợ cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Do chị C giận dữ nên đã tự ý đưa con về Đ sinh sống từ tháng 6/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh nhiều lần liên lạc yêu cầu hàn gắn nhưng chị C không đồng ý. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị C, mong muốn chị C cho thêm cơ hội để hàn gắn nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị C vẫn yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Lê Đào Gia N sinh ngày 14/7/2015. Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa:

- Chị Đào Thị C giữ nguyên yêu cầu.
- Anh Lê Văn T không đồng ý ly hôn. Nếu chị C yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị C nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Đang sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị C và anh T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (Đ – Đ) vào năm 2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn nên hai bên sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Do đó, áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C.

Từ các lời trình bày trên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Do chị C và anh T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (Đ – Đ) vào năm 2016 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm giữa vợ và chồng; giữa anh T với gia đình vợ, nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên vẫn

không thể khắc phục những bất đồng nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không còn khả năng hàn gắn. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: Lê Đào Gia N sinh ngày 14/7/2015 hiện sống chung với chị C. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến thời điểm xét xử con chung chưa tròn ba tuổi; từ khi ly thân đến nay, cháu N vẫn do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định nên xét yêu cầu của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ghi nhận chị C tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị C đối với anh Lê Văn T.

2/- Con chung: Chị Đào Thị C có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đào Gia N sinh ngày 14/7/2015. Ghi nhận chị C tự nguyện không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3/- Tài sản chung: không có.

4/- Nợ chung: Không có.

5/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Đào Thị C phải nộp số tiền án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012357 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Do đó, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị C đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên